

Số: **351/ CV - CTF / 2018**

V/v: Giải trình số liệu kết quả hoạt động kinh doanh 6T Đầu năm 2018

TP. HCM, Ngày 07 Tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: 218 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.37 26 26 26

Fax: 028.37 26 26 26

Website: www.cityford.com.vn

Mã chứng khoán: **CTF**

- Căn cứ vào TT 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại mục 4, mục 5 Điều 11:
 4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lãi sang lỗ hoặc ngược lại;
 - d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
 5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 2.2018 City Auto và hợp nhất
- Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán bán niên 30.06.2018 City Auto và hợp nhất

Số Liệu Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 6T Đầu Năm 2018 Và 6T Đầu Năm 2017 City Auto

Đv: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 Tháng Đầu Năm		Chênh Lệch	
				Năm 2018	Năm 2017	Giá Trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	823,078,780,681	1,069,381,270,487	(246,302,489,806)	-23%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		2,272,727,273	11,266,836,363	(8,994,109,090)	-80%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		820,806,053,408	1,058,114,434,124	(237,308,380,716)	-22%
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	765,776,614,163	1,010,852,853,316	(245,076,239,153)	-24%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55,029,439,245	47,261,580,808	7,767,858,437	16%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1,320,544,931	5,328,420	1,315,216,511	24683%
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	7,145,910,631	7,126,248,283	19,662,348	0%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,145,910,631	7,126,248,283	19,662,348	0%
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	36,748,380,138	37,118,162,006	(369,781,868)	-1%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	15,090,768,815	14,115,323,128	975,445,687	7%
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,635,075,408)	(11,092,824,189)	8,457,748,781	-76%
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	11,458,864,541	15,347,507,409	(3,888,642,868)	-25%
12.	Chi phí khác	32	VI.08	1,145,626,214	735,154,944	410,471,270	56%
13.	Lợi nhuận khác	40		10,313,238,327	14,612,352,465	(4,299,114,138)	-29%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,678,162,919	3,519,528,276	4,158,634,643	118%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	292,324,296	441,108,758	(148,784,462)	-34%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1,639,083,636)	1,639,083,636	-100%
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,385,838,623	4,717,503,154	2,668,335,469	57%

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần City Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm **246,302,489,806** đồng tương đương **23%** chủ yếu do doanh thu bán xe giảm sản lượng giảm từ 1,330 xuống 1,030 tương ứng 300 xe do các chính sách về thuế nhập khẩu và điều kiện nhập khẩu xe.
- Giá vốn hàng bán giảm **245,076,239,153** đồng tương đương **24%** chủ yếu do sản lượng xe bán giảm
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng **7,767,858,437** đồng tương đương **16%** chủ yếu do việc thực hiện giá bán tốt hơn so với cùng kỳ năm 2017, các dòng xe chủ lực và các dòng xe nhập khẩu với số lượng ít được công ty chào bán với giá tốt từ đó làm lợi nhuận gộp tăng dù cho doanh số giảm.
- Doanh thu tài chính tăng **1,315,216,511** đồng tương đương **24,683%** chủ yếu tăng do được chia cổ tức từ công ty CP Ô Tô Phú Mỹ (tỷ lệ góp vốn 97.22%) tương ứng với cổ tức được chia **1,312,041,430** đồng.
- Từ các yếu tố thay đổi trên dẫn đến lỗ từ hoạt động kinh doanh còn lại (2,635,075,408).
- Thu nhập khác giảm **3,888,642,868** tương đương **25%** chủ yếu do số lượng bán xe giảm đồng thời các khoản hỗ trợ bán hàng từ Ford Việt Nam giảm.
- Chi phí khác tăng **410,471,270** tương đương **56%** chủ yếu do việc thanh lý tài sản.



Từ các thay đổi trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6T đầu năm 2018 tăng 57% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 2,668,335,469 đồng.

*** Trong báo cáo tài chính quý 2 của City Auto do chưa lập bút toán trích trước cổ tức được chia từ công ty CP Ô Tô Phú Mỹ nên có sự chênh lệch trên 5% giữa doanh thu tài chính lũy kế quý 1, quý 2 và báo cáo 6T đầu năm 2018.

Chi tiết chênh lệch: Lũy kế quý 1 và quý 2 doanh thu tài chính là 8,503,501 báo cáo 6T đầu năm là 1,320,544,931 chênh lệch 1,312,041,430 tương đương 15,429%.

Số Liệu Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 6T Đầu Năm 2018 Và 6T Đầu Năm 2017 Hợp Nhất

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 Tháng Đầu Năm		Chênh Lệch	
				Năm 2018	Năm 2017	Giá Trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1,368,593,896,657	1,737,547,266,503	(368,953,369,846)	-21%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		22,492,999,668	32,148,980,737	(9,655,981,069)	-30%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,346,100,896,989	1,705,398,285,766	(359,297,388,777)	-21%
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,259,334,251,064	1,630,393,060,547	(371,058,809,483)	-23%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86,766,645,925	75,005,225,219	11,761,420,706	16%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13,240,550	11,946,947	1,293,603	11%
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	10,951,332,461	11,110,215,769	(158,883,308)	-1%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,951,332,461	11,110,215,769	(158,883,308)	-1%
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	55,764,677,072	54,563,595,319	1,201,081,753	2%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	30,368,340,351	28,058,005,254	2,310,335,097	8%
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10,304,463,409)	(18,714,644,176)	8,410,180,767	-45%
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	19,019,509,160	22,356,749,906	(3,337,240,746)	-15%
12.	Chi phí khác	32	VI.08	271,956,417	753,837,064	(481,880,647)	-64%
13.	Lợi nhuận khác	40		18,747,552,743	21,602,912,842	(2,855,360,099)	-13%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,443,089,334	2,888,268,666	5,554,820,668	192%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	641,726,016	496,613,582	145,112,434	29%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(2,255,374,181)	2,255,374,181	-100%
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,801,363,318	4,647,029,265	3,154,334,053	68%
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7,397,502,936	4,904,337,086	2,493,165,850	51%
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		403,860,382	(257,307,821)	661,168,203	-257%
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	411	272	139	51%
21.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần City Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu trên báo cáo hợp nhất như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 368,953,369,846 đồng tương đương 21% chủ yếu do doanh thu bán xe giảm sản lượng giảm từ 2,151 xuống 1,681 tương ứng 470 xe do các chính sách về thuế nhập khẩu và điều kiện nhập khẩu xe.
- Giá vốn hàng bán giảm 359,297,388,777 đồng tương đương 21% chủ yếu do sản lượng xe bán giảm

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng **11,761,420,706** đồng tương đương **16%** chủ yếu do việc thực hiện giá bán tốt hơn so với cùng kỳ năm 2017, các dòng xe chủ lực và các dòng xe nhập khẩu với số lượng ít được công ty chào bán với giá tốt từ đó làm lợi nhuận gộp tăng dù cho doanh số giảm.
- Từ các yếu tố thay đổi trên dẫn đến lỗ từ hoạt động kinh doanh còn lại 10,304,463,409.
- Thu nhập khác giảm **3,337,240,746** tương đương **15%** chủ yếu do số lượng bán xe giảm đồng thời các khoản hỗ trợ bán hàng từ Ford Việt Nam giảm.
- Từ các thay đổi trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6T đầu năm 2018 tăng 68% so với cùng kỳ năm trước, tương đương **3,154,334,053** đồng.

Trên đây là giải trình các khoản thay đổi trọng yếu giữa số liệu báo cáo kết quả kinh doanh 6T đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 báo cáo riêng và hợp nhất

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
TRẦN TRUNG CHÁNH

